



2	Kế toán	1				1								
3	Thủ quỹ													
4	Y tế	1				1								
5	Thư viện	1				1								
6	Thiết bị thí nghiệm	1					1							
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	NV CNTT													
9	Bảo vệ	3					3							
10	Phục vụ	1					1							

## 2. Công khai cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	39	
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	39	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	6	02 phòng/khối
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	39	0.77
8	Bình quân học sinh/lớp	1280	42.7
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	01	

<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	17.324,3	13,5m <sup>2</sup> /HS
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	5100	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	1530	51m <sup>2</sup> /lớp
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	498	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	51	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	1032	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m<sup>2</sup>)</i>	60	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	90	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	30	
1.1	Khối lớp 10	10	
1.2	Khối lớp 11	10	
1.3	Khối lớp 12	10	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	60	
2.1	Khối lớp 10	20	
2.2	Khối lớp 11	20	
2.3	Khối lớp 12	20	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	100 m <sup>2</sup>	

<b>VIII</b>	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	
<b>IX</b>	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
<b>1</b>	Ti vi	32	01
<b>2</b>	Cát xét	04	
<b>3</b>	Đầu Video/đầu đĩa	0	
<b>4</b>	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
<b>5</b>	Thiết bị khác...(bộ thiết bị thí nghiệm, thực hành giáo dục STEM)	3	

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	Nhà bếp	40
<b>XI</b>	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
<b>XIII</b>	Khu nội trú	0		

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	14	7/7	0.06	0.06/0.05
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
<b>XV</b>	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	

XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

### 3. Thông tin về kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục

STT	NỘI DUNG	CHIA THEO KHỐI LỚP		
		LỚP 10	LỚP 11	LỚP 12
I	Kế hoạch tuyển sinh	<p>Kế hoạch tuyển sinh vào 10 năm học 2026-2027 trường THPT Hoàng Văn Thụ số 40/KH-THPTHVT ngày 06/4/2026</p> <p>Đăng thông tin trên Website trường: Đường link: <a href="https://thpt-hoangvanthu.ninhbinh.edu.vn/ke-hoach-tuyen-sinh-vao-10-nam-hoc-2026-2027-truong-thpt-hoang-van-thu.html">https://thpt-hoangvanthu.ninhbinh.edu.vn/ke-hoach-tuyen-sinh-vao-10-nam-hoc-2026-2027-truong-thpt-hoang-van-thu.html</a></p>		
II	Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục	Đảm bảo thực hiện đúng chương trình theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Ninh Bình	Đảm bảo thực hiện đúng chương trình theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Ninh Bình	Đảm bảo thực hiện đúng chương trình theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Ninh Bình
III	Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh	Nhà trường cam kết phối kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, xã hội để giáo dục học sinh.	Nhà trường cam kết phối kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, xã hội để giáo dục học sinh.	Nhà trường cam kết phối kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, xã hội để giáo dục học sinh.

IV	Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục	Đảm bảo học sinh được tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt: HĐ trải nghiệm sáng tạo; Ngoại khóa; Hướng nghiệp; Tư vấn tâm lý học đường; Giáo dục giới tính; An toàn giao thông; tham gia các câu lạc bộ truyền thông, TDTT, ...	Đảm bảo học sinh được tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt: HĐ trải nghiệm sáng tạo; Ngoại khóa; Hướng nghiệp; Tư vấn tâm lý học đường; Giáo dục giới tính; An toàn giao thông; tham gia các câu lạc bộ truyền thông, TDTT, .....	Đảm bảo học sinh được tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt: HĐ trải nghiệm sáng tạo; Ngoại khóa; Hướng nghiệp; Tư vấn tâm lý học đường; Giáo dục giới tính; An toàn giao thông; tham gia các câu lạc bộ truyền thông, TDTT, .....
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>Đảm bảo HS đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các năng lực: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo; ngôn ngữ; tính toán; tìm hiểu tự nhiên và xã hội; công nghệ; tin học; thẩm mỹ; thể chất.</li> <li>- Các phẩm chất: yêu đất nước, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.</li> <li>- Sức khỏe tốt.</li> </ul>	<p>Đảm bảo HS đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các năng lực: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo; ngôn ngữ; tính toán; tìm hiểu tự nhiên và xã hội; công nghệ; tin học; thẩm mỹ; thể chất.</li> <li>- Các phẩm chất: yêu đất nước, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.</li> <li>- Sức khỏe tốt.</li> </ul>	<p>Đảm bảo HS đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các năng lực: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo; ngôn ngữ; tính toán; tìm hiểu tự nhiên và xã hội; công nghệ; tin học; thẩm mỹ; thể chất.</li> <li>- Các phẩm chất: yêu đất nước, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.</li> <li>- Sức khỏe tốt.</li> </ul>

#### 4. Công khai chất lượng giáo dục thực tế năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	<b>Đánh giá kết quả xếp loại rèn luyện học kỳ I năm học 2025 - 2026</b>	<b>1284</b>	<b>422</b>	<b>457</b>	<b>405</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	91.98%	88.15%	92.12%	95.80%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6.85%	10.43%	7.22%	2.72%

3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1.09%	1.18%	0.66%	1.48%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.08%	0.24%	0.00%	0.00%
<b>II</b>	<b>Đánh giá kết quả xếp loại học tập học kỳ I năm học 2025 - 2026</b>	<b>1284</b>	<b>422</b>	<b>457</b>	<b>405</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	54.28%	32.23%	42.01%	91.11%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38.24%	52.37%	51.20%	8.89%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	6.54%	13.27%	6.13%	0.00%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.93%	2.13%	0.66%	0.00%
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1284</b>	<b>422</b>	<b>457</b>	<b>405</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.07%	97.87%	99.34%	100.00%
a	Học sinh SX (tỷ lệ so với tổng số)	8.80%	4.74%	5.91%	16.32%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	39.17%	23.93%	33.70%	61.23%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.93%	2.13%	0.66%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.16%	0.47%	0.00%	0.00%
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	0.47%	1.14%	0.00%	0.00%
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.31%	0.95%	0.00%	0.00%
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, các cuộc thi, hội thi, Olympic, giao lưu...</b>				
1	Cấp tỉnh				
	Kỳ thi học sinh giỏi văn hoá cấp tỉnh	<b>7 Nhất</b>	19 Nhì	9 Ba	5KK
	KHKT				1 tư
	STEM		1 XS		
	Thi giải Toán và các môn khoa học bằng Tiếng Anh		1 Nhì	02 Ba	16KK
	Chinh phục IELTS		1 Nhì		2KK
	QPAN				4KK

	TDDT				4KK
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế			1 Ba	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	405			405
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	405			405
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	91.5%			91.5%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	539 Nam	741 Nữ		
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0%	0%	0%

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT Ninh Bình (để b/c);
- Công thông tin điện tử trường;
- Dán bảng tin, phòng chờ;
- Lưu hồ sơ TS, VT.

**HIỆU TRƯỞNG****Bùi Văn Thương**